



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *2972* /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày *18* tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Bàu Bàng đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về việc thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040; Văn bản thẩm định số 3126/SXD-QHKT ngày 25/9/2024 và Báo cáo số 3219/SXD-QHKT ngày 04/10/2024 của Sở Xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 347/TB-UBND ngày 17/10/2024 về kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phiên họp lần thứ 73 -Khóa X.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến năm 2040, với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến năm 2040.

2. Phạm vi ranh giới, thời gian lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Bàu Bàng với diện tích tự nhiên là 34.002,11 ha, gồm có 07 đơn vị hành chính: thị trấn Lai Uyên; các xã: Cây Trường II, Hưng Hòa, Lai Hưng, Long Nguyên, Tân Hưng, Trù Văn Thố.

- Tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: giáp thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

+ Phía Nam: giáp thành phố Bến Cát;

+ Phía Đông: giáp huyện Phú Giáo;

+ Phía Tây: giáp huyện Dầu Tiếng.

- Tỷ lệ quy hoạch: 1/25.000.

- Thời gian lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

3. Quan điểm và mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng.

- Cụ thể hóa mục tiêu xây dựng các huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, trong đó, có huyện Bàu Bàng với định hướng hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới làm tiền đề phấn đấu các giai đoạn tiếp theo đạt các chỉ tiêu đô thị loại III, trở thành Thị xã thuộc tỉnh.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng kinh tế, hệ thống điểm dân cư đô thị và nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của Huyện đề ra trong mối quan hệ với Vùng tỉnh và các khu vực xung quanh.

- Làm cơ sở triển khai các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, phát triển đô thị, quản lý đô thị và các khu vực dân cư nông thôn, khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch,... và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng bộ.

4. Tính chất, chức năng

- Là huyện phát triển theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp dịch vụ, trong tương lai trở thành "Trung tâm đổi mới sáng tạo - công nghiệp" phía Bắc của tỉnh Bình Dương.

- Là huyện cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Bình Dương, kết nối với tỉnh Bình Phước và khu vực Tây Nguyên thông qua tuyến Quốc lộ 13.

- Là vùng Kinh tế phía Bắc của tỉnh, có sự tác động tương hỗ và gắn kết với không gian kinh tế của huyện Dầu Tiếng, huyện Phú Giáo và thành phố Bến Cát.

- Là khu vực phát triển công nghiệp (đa ngành, chế biến nông lâm sản), phát triển khu phức hợp Văn hóa - Thể thao, Y tế, Giáo dục đào tạo cấp vùng, trung tâm dịch vụ - thương mại cấp vùng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử.

- Đô thị Bàu Bàng đạt tiêu chí đô thị loại III, trở thành thị xã thuộc tỉnh Bình Dương.

5. Quy mô dân số

- Đến năm 2030 khoảng 320.000 - 350.000 người;

- Đến năm 2040 khoảng 480.000 - 500.000 người.

6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản

a. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất dân dụng: 50 – 80m²/người (đô thị loại III và IV);

- Đất dân dụng: 70 – 100m²/người (đô thị loại V).

- Đất cây xanh toàn đô thị: $\geq 10\text{m}^2/\text{người}$.

b. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
			2030	2040
1	Giao thông			
	1.1 Khu vực đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 7.5\text{m}$)	km/km ²	≥ 6	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 16
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 7
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 5	≥ 10
	1.2 Khu vực nông thôn			
	- Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	cấp	$\geq \text{VI}$ (mặt đường $\geq 3.5\text{m}$, nền đường $\geq 6.5\text{m}$)	
2	Cấp nước			
	- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	200	200
	- Tỷ lệ cấp nước đô thị	%	100	100
	- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn	L/người/ngày	180	180
	- Tỷ lệ cấp nước nông thôn	%	80	80
	- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha	30	30
3	Thoát nước bẩn			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	$>80\%$	$>80\%$
	- Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp		$>80\%$	$>80\%$
4	Chất thải rắn			
	- Khu vực đô thị	Kg/người/ngày	0,9	0,9
	- Khu vực nông thôn	Kg/người/ngày	0,4	0,4
	- CTR công nghiệp	Tấn/ha/ngày	0,36	0,36
5	Cấp điện			
	- Dân dụng	W/người	330	500
	- Công nghiệp và TTCN	kW/ha	140-350	140-350
6	Hạ tầng viễn thông	Thuê bao/100 người	70	70

7. Định hướng phát triển không gian vùng

a. Mô hình phát triển không gian vùng

Mô hình phát triển Vùng huyện Bàu Bàng được xác định là “mô hình chuỗi đô thị” phát triển theo hướng Bắc Nam gắn với thị xã Chơn Thành của tỉnh Bình Phước

ở phía Bắc và thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương ở phía Nam với trục hành lang chủ đạo là tuyến Quốc lộ 13.

b. Phân vùng phát triển

Vùng huyện Bàu Bàng được phân thành 03 vùng phát triển kinh tế như sau:

- Vùng I: Vùng trung tâm - Vùng động lực phát triển

+ Quy mô diện tích của tiểu vùng khoảng 20.931,39ha, bao gồm: thị trấn Lai Uyên, đô thị Lai Hưng, đô thị Long Nguyên, xã Cây Trường II và xã Trừ Văn Thố. Trung tâm tiểu vùng là thị trấn Lai Uyên.

+ Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật của huyện Bàu Bàng; Là vùng phát triển kinh tế động lực của huyện, phát triển theo hướng đô thị - công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao, ưu tiên phát triển công nghiệp dịch vụ, trong tương lai trở thành “Trung tâm đổi mới sáng tạo – công nghiệp” phía Bắc của tỉnh Bình Dương.

- Vùng II: Vùng đô thị phía Đông

+ Quy mô diện tích của tiểu vùng khoảng 7.124,52ha, bao gồm: một phần thị trấn Lai Uyên, xã Tân Hưng và xã Hưng Hòa. Trung tâm tiểu vùng là trung tâm phần thị trấn Lai Uyên trên trục đường Tọa lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng, tuyến kết nối các huyện Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, Bàu Bàng.

+ Phát triển đô thị và các dịch vụ đô thị.

- Vùng III: Vùng nông nghiệp phía Tây

+ Quy mô diện tích của tiểu vùng khoảng 5.946,20ha, gồm xã Long Nguyên. Trung tâm tiểu vùng là trung tâm xã.

+ Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển Du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, thương mại dịch vụ gắn với nông nghiệp.

c. Định hướng phát triển đô thị

- Giai đoạn 2021 – 2025 huyện Bàu Bàng có 02 đô thị:

+ Thị trấn Lai Uyên đạt đô thị loại V.

+ Thành lập đô thị mới Lai Hưng (xã Lai Hưng) theo mô hình đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2026 – 2030 huyện Bàu Bàng có 04 đô thị:

+ Nâng cấp và mở rộng thị trấn Lai Uyên đạt tiêu chí đô thị loại IV.

+ Đô thị Lai Hưng - đô thị loại V (hiện hữu);

+ Thành lập đô thị mới Long Nguyên (xã Long Nguyên) theo mô hình đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V.

+ Thành lập đô thị mới Trừ Văn Thố (xã Trừ Văn Thố) theo mô hình đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V.

+ Đến năm 2030: toàn huyện Bàu Bàng đạt tiêu chí đô thị loại IV; Thành lập thị xã Bàu Bàng – đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030 – 2040: nâng cao các tiêu chí của đô thị Bàu Bàng đạt đô thị loại III, trở thành Trung tâm kinh tế - công nghiệp - dịch vụ của tỉnh Bình Dương.

- Tổ chức hệ thống đô thị vùng huyện Bàu Bàng

(1) Khu đô thị số 1: Khu đô thị Trung tâm hành chính – Dịch vụ - Công nghiệp

- Vị trí: chủ yếu là thị trấn Lai Uyên và một phần đô thị Lai Hưng, hạt nhân là thị trấn Lai Uyên, dự kiến trở thành đô thị loại IV giai đoạn đến năm 2025.

- Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị: đến năm 2030 khoảng 2.800 ha và đến năm 2040 khoảng 3.640ha

- Quy mô dân số: đến năm 2030 khoảng 100.000 người và đến năm 2040 khoảng 130.000 người.

- Tính chất, chức năng đô thị: Là trung tâm công nghiệp của khu vực phía Bắc huyện Bầu Bàng; Là trung tâm chính trị - hành chính, trung tâm dịch vụ của huyện Bầu Bàng.

- Tổ chức không gian phát triển đô thị:

- + Hướng phát triển đô thị tại trung tâm hiện hữu kết hợp với khu công nghiệp Bầu Bàng và khu công nghiệp Bầu Bàng mở rộng. Đầu tư hướng đến công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao tránh gây ô nhiễm cho đô thị. Định hướng di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh vào các khu công nghiệp tập trung.

- + Không gian phát triển đô thị gắn với các trục hành lang kinh tế chủ đạo là QL.13, QL.56B (Bầu Bàng – Phú Giáo – Bắc Tân Uyên), đường tạo lực Mỹ Phước – Bầu Bàng, đường Vành đai 5, đường ĐT.748B, ĐT.748C, ĐT.749C. Tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh – Lộc Ninh.

(2) Khu đô thị số 2: Khu đô thị - công nghiệp

- Vị trí: khu vực phía Bắc khu đô thị trung tâm, thuộc thị trấn Lai Uyên.

- Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị: đến năm 2030 khoảng 980 ha và đến năm 2040 khoảng 1.820ha

- Quy mô dân số: đến năm 2030 khoảng 35.000 người và đến năm 2040 khoảng 65.000 người.

- Tính chất, chức năng đô thị: Là khu đô thị công nghiệp – thương mại, dịch vụ.

- Tổ chức không gian phát triển đô thị:

- + Hướng phát triển đô thị về phía Đông khu công nghiệp Cây Trường.

- + Không gian phát triển đô thị gắn với các trục hành lang kinh tế là đường cao tốc Bắc – Nam phía Tây, Quốc lộ 13, Quốc lộ 56B, đường ĐT.750, đường ĐT.748B. Tuyến đường sắt TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh và các đường ĐH.618 và ĐH.624.

(3) Khu đô thị số 3: Khu đô thị - Công nghiệp phía Bắc

- Vị trí: phía Bắc huyện Bầu Bàng, thuộc 2 xã Cây Trường II và Trừ Văn Thố.

- Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị: đến năm 2030 khoảng 840 ha và đến năm 2040 khoảng 1.680ha

- Quy mô dân số: đến năm 2030 khoảng 30.000 người, đến năm 2040 khoảng 60.000 người.

- Tính chất, chức năng đô thị: Là khu đô thị công nghiệp – thương mại, dịch vụ; Là khu đô thị hiện đại, văn minh kết hợp giải trí chất lượng cao.

- Tổ chức không gian không gian phát triển đô thị:

- + Hướng phát triển là khu dân cư kết hợp với khu công nghiệp Bầu Bàng 3 và khu công nghiệp Dầu Tiếng 4.

+ Không gian phát triển đô thị gắn với trục hành lang kinh tế chủ đạo là Quốc lộ 13, đường cao tốc Bắc – Nam phía Tây, đường ĐT.750, đường ĐT.748B và ĐT.748C. Tuyến đường sắt TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh.

(4) Khu đô thị số 4 – Khu đô thị - Dịch vụ Lai Hưng

- Vị trí: là khu vực phía Nam xã Lai Hưng hiện nay.
- Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị: đến năm 2030 khoảng 700 ha và đến năm 2040 khoảng 1.232 ha
- Quy mô dân số: đến năm 2030 khoảng 25.000 người, đến năm 2040 khoảng 44.000 người.

- Tính chất, chức năng đô thị: Là đô thị cửa ngõ phía Nam, khu đô thị mới đạt tiêu chí đô thị loại V. Trung tâm tổng hợp cấp huyện, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Nam huyện Bàu Bàng.

- Tổ chức không gian phát triển đô thị:

+ Hướng phát triển đô thị tại trung tâm Lai Hưng hiện hữu và mở rộng về phía Bắc kết nối với thị trấn Lai Uyên.

+ Không gian phát triển đô thị gắn với trục hành lang kinh tế chủ đạo là Quốc lộ 13, đường cao tốc Hồ Chí Minh – Chơn Thành – Hoa Lư, đường ĐT.742B, đường tạo lực Mỹ Phước – Tân Vạn – Bàu Bàng.

(5) Khu đô thị số 5 – Khu đô thị - Công nghiệp phía Tây

- Vị trí: là khu vực xã Long Nguyên hiện hữu, ở phía Tây huyện Bàu Bàng.
- Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị: đến năm 2030 khoảng 1.400 ha và đến năm 2040 khoảng 2.408 ha
- Quy mô dân số: đến năm 2030 khoảng 50.000 người, đến năm 2040 khoảng 86.000 người.

- Tính chất, chức năng đô thị: Là đô thị - công nghiệp, trung tâm tiểu vùng phía Tây đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Tổ chức không gian phát triển đô thị:

+ Hướng phát triển đô thị tại trung tâm hiện hữu, mở rộng đô thị về phía Bắc kết nối với đường Vành đai 5, kết hợp với khu công nghiệp Bàu Bàng 5.

+ Không gian phát triển đô thị gắn với trục hành lang kinh tế chủ đạo là đường ĐT.749, ĐT.749C, ĐT.748B và đường Vành đai 5.

(6) Khu đô thị số 6 – Khu đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp phía Đông

- Vị trí: tại phía Đông huyện Bàu Bàng, thuộc xã Hưng Hòa và xã Tân Hưng.
- Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị: đến năm 2030 khoảng 1.400 ha và đến năm 2040 khoảng 2.380 ha
- Quy mô dân số: đến năm 2030 khoảng 50.000 người, đến năm 2040 khoảng 85.000 người.

- Tính chất, chức năng đô thị: Là khu đô thị mới kết hợp công nghiệp - dịch vụ.

- Tổ chức không gian phát triển đô thị:

+ Hướng phát triển đô thị ở phía Đông là khu liên hợp Văn hóa – Thể dục thể thao – Y tế - Giáo dục, khu dân cư kết hợp với khu công nghiệp Tân Bình, khu công

ngành Bàu Bàng 4, khu công nghiệp Lai Hưng - Khoa học công nghệ gồm các ngành công nghiệp sản xuất tiên tiến tiên tiến, các công ty công nghệ cao và các ngành công nghiệp hỗ trợ tạo ra một hệ sinh thái các ngành công nghiệp cho tương lai, với mục đích phát triển và đạt tới công nghiệp 4.0 và là nơi thử nghiệm những công nghệ sản xuất mới nhất và dịch vụ kho bãi Logistics.

+ Không gian phát triển đô thị gắn với các trục hành lang kinh tế chủ đạo là đường cao tốc cao tốc Hồ Chí Minh – Chơn Thành – Hoa Lư, đường tạo lực Mỹ Phước – Bàu Bàng, đường ĐT.741, đường Vành đai 5 và tuyến đường sắt TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh.

d. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn

- Dự báo dân số nông thôn đến năm 2030 khoảng 60.000 người và đến năm 2040 khoảng 30.000 người.

- Định hướng trung tâm các xã

+ Mở rộng quy mô các trung tâm xã hiện hữu, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho xã.

+ Tính chất: là khu vực trung tâm, tập trung các hoạt động kinh tế - xã hội chủ yếu của xã.

+ Các chức năng gồm: Trung tâm hành chính (HĐND, UBND xã; Mặt trận và các đoàn thể,...); Trung tâm sinh hoạt lễ hội, tín ngưỡng (đình, chùa, miếu, đền thờ, nhà văn hóa,...); Trung tâm giáo dục (trường mầm non, tiểu học, THCS,...); Trung tâm Thể dục thể thao; Trung tâm thương mại, dịch vụ (chợ xã, các cửa hàng dịch vụ bán lẻ); Trung tâm phục vụ sản xuất (trụ sở HTX, trạm khuyến nông,...).

- Các điểm dân cư nông thôn

Các điểm dân cư tập trung: Quy hoạch các điểm dân cư tập trung phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới và các nhu cầu phục vụ đời sống, sản xuất trên địa bàn xã. Phát triển các điểm dân cư tập trung trên cơ sở mở rộng các điểm dân cư hiện hữu, được xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, đảm bảo bán kính phục vụ công trình hạ tầng cho người dân, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

Khu vực tập trung dân cư dọc theo các tuyến giao thông chính: Phát triển hệ thống các công trình dịch vụ thương mại và hỗ trợ sản xuất, theo hướng hỗn hợp, đa chức năng, kết hợp nhà ở với các loại hình thương mại dịch vụ. Các cụm công trình dịch vụ công cộng, trung tâm sinh hoạt cộng đồng gắn với các tuyến cảnh quan nông nghiệp và tự nhiên. Các loại hình nhà ở phong phú dạng đơn lẻ, liên kế hoặc nhà vườn thấp tầng.

Các khu dân cư tái định cư: hình thành do giải phóng mặt bằng thi công đường giao thông, các khu công nghiệp, khu du lịch,... Xây dựng những điểm dân cư ổn định theo mô hình khu ở tập trung với hệ thống hạ tầng đồng bộ.

Các khu vực nông thôn đóng vai trò là vành đai xanh, phát triển nông nghiệp như: vườn cây ăn trái, hoa màu,... và dự trữ đất phát triển đô thị, cần kiểm soát không chế việc xây dựng hợp lý, tránh tình trạng xây dựng tự phát, sử dụng tùy tiện quỹ đất nông nghiệp có năng suất cao gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

Dân cư sống rải rác cần có chính sách khuyến khích di dời các hộ dân vào sống tập trung trong các điểm dân cư đảm bảo các điều kiện phục vụ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

e. Định hướng các Khu chức năng

- Cấp quốc gia: Xây dựng Trung tâm Logistics 290ha tại ga Tân Hưng, xã Tân Hưng.

- Khu chức năng cấp tỉnh:

+ Dự án đầu tư xây dựng Khu phức hợp Văn hóa – Thể dục thể thao – Y tế – Giáo dục tại huyện Bàu Bàng, quy mô khoảng 1.500ha. Trong đó, khu giáo dục – đào tạo là 500ha.

+ Trung tâm phục hồi chức năng và Trợ giúp trẻ khuyết tật.

+ Quy hoạch các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo chuyên sâu ngành Công nghệ phần mềm, chip, AI,...

+ Các trường Đại học ở Lai Uyên 25ha; khu Đô thị Đại học ở Hưng Hòa 547ha; trường Đại học Y dược ở Hưng Hòa 115ha; trường Đại học Y 30ha tại thị trấn Lai Uyên.

+ Xây dựng 01 chợ đầu mối nông sản của Tỉnh.

+ Điểm du lịch đổi mới, sáng tạo, vui chơi giải trí cao cấp Bàu Bàng. Xây dựng mới Khu vui chơi giải trí công cộng huyện Bàu Bàng, quy mô 15ha.

- Định hướng các Khu chức năng cấp vùng

+ Xây dựng mới Trung tâm Hội nghị triển lãm; Xây dựng mới Khu thương mại Bàu Bàng (phát triển theo mô hình khu thương mại tự do -FTZ).

+ Bệnh viện chuyên sâu và bệnh viện chuyên khoa cấp vùng (tuyến cuối) 2.000 giường, diện tích 500.000m², tại đất Công ty Cao su Phước Hòa, xã Hưng Hòa.

+ Trung tâm phục hồi chức năng và Trợ giúp trẻ khuyết tật.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng xã hội và dịch vụ cấp huyện

a. Hệ thống cơ quan, công sở

- Phát triển hệ thống cơ quan, công sở phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu người dân đô thị trong tương lai.

- Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng được xây dựng mới gồm: Huyện ủy, UBND huyện, mặt trận và các phòng, ban ngành, đoàn thể,...

- Các cơ quan hành chính cấp đơn vị ở được tổ chức, phân bổ đều trên cơ sở các công trình cơ quan hiện hữu và mở rộng đảm bảo bán kính phục vụ người dân đô thị theo từng đơn vị quản lý.

b. Hệ thống giáo dục và đào tạo

- Hệ thống giáo dục đào tạo phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện và tỉnh.

- Hình thành hệ thống giáo dục toàn diện và thống nhất, bao gồm từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu và đặc điểm kinh tế xã hội của đô thị.

- Thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục, đa dạng hóa các hình thức và các nguồn vốn phát triển giáo dục và đào tạo, mở rộng hình thức giáo dục thường xuyên, phát triển các lớp bán công, dân lập, tư thục.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển chất lượng dạy học theo tiêu chuẩn chung.

- Đào tạo các ngành nghề đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với việc khai thác thế mạnh của vùng huyện và tỉnh. Tranh thủ mọi nguồn lực, sự hỗ trợ để phát triển vững chắc ngành giáo dục - đào tạo của Huyện.

- Huy động các nguồn lực giáo dục ngoài công lập, xã hội hóa các trường cao đẳng, trung cấp.

- Huy động các nguồn lực, thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo nghề (các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) cho người dân trên địa bàn huyện.

c. Văn hóa, thể dục thể thao

- Xây dựng các trung tâm văn hóa thể thao đa năng, các công trình thể dục thể thao cấp huyện và các tụ điểm sinh hoạt, câu lạc bộ tại các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp.

- Tập trung đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao trung tâm xã, thị trấn nhằm đáp ứng nhu cầu đạt chuẩn nông thôn mới, tiếp tục nâng cấp cải tạo để duy trì và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng Trung tâm văn hóa công nhân lao động huyện Bàu Bàng, quy mô 1,00ha.

- Xây dựng mới Nhà Thiếu nhi huyện Bàu Bàng, quy mô 0,5ha.

- Xây dựng mới Thư viện huyện Bàu Bàng, quy mô 0,2 – 1,0ha.

- Xây dựng mới Nhà thi đấu đa năng huyện Bàu Bàng, quy mô 3,00ha.

- Xây dựng mới Trung tâm văn hóa, thông tin, thể thao huyện Bàu Bàng, quy mô 4,0ha.

- Nâng cấp, cải tạo quảng trường trung tâm huyện Bàu Bàng, quy mô 5 – 10ha.

- Xây dựng các sân bóng, sân thể thao phục vụ ở các xã.

- Kêu gọi xã hội hóa nhằm xây dựng sân thể thao ở trung tâm huyện, các xã và cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Trang bị dụng cụ thể dục thể thao cho các trường học.

- Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng, thể dục thể thao và các phương tiện vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, đi đôi với việc mở rộng mạng lưới cơ sở. Đẩy mạnh xã hội hóa việc xây dựng các điểm vui chơi, giải trí, nhất là sân chơi cho thiếu nhi.

- Đầu tư phát triển các cơ sở văn hóa, thể dục thể thao đáp ứng tốt hơn các nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên cơ sở phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và từng bước hình thành các thiết chế văn hóa theo tiêu chuẩn đô thị văn minh.

- Xây dựng công viên khu trung tâm thị trấn huyện lỵ; Công viên ấp Tân Long 0,15ha; Công viên cây xanh (dự án nạo vét suối Đồng Sổ) quy mô 8,81ha;

d. Y tế

- Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế của huyện theo hướng hiện đại hóa, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, bảo đảm chất lượng hiệu quả trong cung cấp và sử dụng các dịch vụ y tế. Từng bước cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã.

- Xã hội hóa và phát triển mạng lưới y tế đồng bộ từ huyện đến cơ sở; nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; thực hiện tốt bảo hiểm y tế tự nguyện; tăng cường các hoạt động y tế dự phòng. Cụ thể như sau:

▪ Tuyến xã:

+ Thị trấn Lai Uyên: Trạm y tế 3.966,3m²; Phòng khám đa khoa tư nhân 5.000m².

+ Xã Tân Hưng: Trạm y tế 5.000m²; Phòng khám đa khoa tư nhân 5.000m².

+ Xã Hưng Hòa: Trạm y tế 2.226,1m²; Phòng khám đa khoa tư nhân 5.000m².

+ Xã Trừ Văn Thố: Trạm y tế 3.747,5m²; Phòng khám đa khoa tư nhân 6.611,4m².

+ Xã Cây Trường II: Trạm y tế 5.747,4m²; Phòng khám đa khoa tư nhân 5.000m².

+ Xã Lai Hưng: Trạm y tế 3.000m²; Phòng khám đa khoa tư nhân 5.000m².

+ Xã Long Nguyên: Trạm y tế 2.466m²; Phòng khám đa khoa tư nhân 5.000m².

▪ Tuyến Huyện:

+ Bệnh viện Đa khoa (Trung tâm y tế dự phòng): 25.000 - 30.000m² tại TT. Lai Uyên.

+ Bệnh viện ngoài công lập (trong KCN Becamex): 41.000m² tại TT. Lai Uyên.

- Bồi dưỡng kiến thức nâng cao tay nghề, có chính sách đối với y bác sĩ ở tuyến xã. Đầu tư các thiết bị y tế hiện đại và xây dựng lực lượng chuyên gia khám điều trị cho nhân dân đồng thời tổ chức dịch vụ chế biến dược liệu tại chỗ.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai nâng cấp, bổ sung hoàn chỉnh trang thiết bị y tế đảm bảo 100% các trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của bộ y tế.

- Khuyến khích phát triển mạng lưới y học cổ truyền.

e. Thương mại dịch vụ và du lịch

- Phần đầu đưa ngành Thương mại – dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng đứng thứ hai sau ngành công nghiệp.

- Chính trang, nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đang hoạt động và các loại hình dịch vụ gắn với chợ đảm bảo văn minh thương mại, đồng thời tăng cường việc giải tỏa các điểm mua bán tự phát, lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè.

- Phát triển các cửa hàng tiện ích, siêu thị mini kết hợp tại các khu công nghiệp, khu dân cư.

- Phát triển các loại hình thương mại chất lượng cao như: kêu gọi đầu tư các siêu thị có diện tích lớn hơn 500m² và các trung tâm thương mại tại các xã, thị trấn giáp

ranh với thị xã Chơn thành, tỉnh Bình Phước. Ưu tiên quy hoạch đất thương mại – dịch vụ.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống chợ và các loại hình dịch vụ gắn với chợ, từng bước hình thành các khu vực tập kết, sơ chế, phân loại và bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

- Đến năm 2025: toàn Huyện có 10 chợ, 01 siêu thị, 01 trung tâm Logistics.

- Đến năm 2030: toàn Huyện có 11 chợ (trong đó có 1 chợ đầu mối nông sản của Tỉnh); 03 siêu thị; 02 Trung tâm thương mại, 01 trung tâm Logistics.

- Phát triển các điểm kinh doanh dịch vụ quy mô vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể góp phần tạo nên mạng lưới thương mại dịch vụ đa dạng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương, nâng cao vai trò của ngành thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Xây dựng các cửa hàng giới thiệu các sản phẩm OCOP của địa phương.

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ đồng bộ gắn kết với phát triển du lịch trên cơ sở phát triển bền vững. Khai thác hợp lý và hiệu quả các khu, tuyến du lịch, đồng thời với việc phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, trùng tu một số cơ sở du lịch văn hóa; xây dựng các tuyến, điểm du lịch (văn hóa, lịch sử, sinh thái, du lịch trải nghiệm,...). Mở rộng hệ thống nhà hàng, khách sạn theo hướng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện gắn kết Bàu Bàng vào các tuyến du lịch của tỉnh Bình Dương.

- Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ vận tải đường bộ và dịch vụ kho bãi.

f. Định hướng phát triển nhà ở xã hội huyện Bàu Bàng

Huyện Bàu Bàng diện tích đất phát triển công nghiệp dự kiến đến năm 2030 khoảng 6.150,62ha với dự báo lực lượng lao động, công nhân khoảng 440.000 người (trong đó 200.000 lao động tạo chỗ và 240.000 lao động nhập cư. Vì vậy, quỹ đất cần thiết để xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở – căn hộ giá rẻ bán cho người lao động thu nhập thấp khoảng 600ha.

- Theo Đề án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 huyện Bàu Bàng có quỹ đất phát triển nhà ở xã hội như sau:

- + Tại Phụ lục 1 về quỹ đất phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn huyện Bàu Bàng với tổng diện tích là 581.711m², Trong đó: Khu nhà ở xã hội Becamex – Khu 1 (Giai đoạn 2) tại Khu dân cư Lai Hưng có diện tích 19.550m²; Nhà ở xã hội Becamex – Khu 2 tại Khu dân cư Lai Hưng có diện tích 26.489m²; Nhà ở xã hội Becamex – Khu 3 tại Khu dân cư 5A, ấp 5, Lai Uyên có diện tích 29.825m²; Nhà ở xã hội Becamex – Khu 4 tại KCN Bàu Bàng có diện tích 158.317m²; Nhà ở xã hội Becamex – Khu 6 tại Khu dân cư 5F, ấp 5, Lai Uyên có diện tích 24.012m²; Khu đất thu hồi Xí nghiệp thuốc sát trùng Bình Dương tại các thửa đất số 67, 68, 81 tờ bản đồ số 37 (10% QH 23,58ha) có diện tích 23.518m²; Khu đất thu hồi Công ty TNHH San Migue Pure Foods VN tại các thửa đất số 2507, tờ bản đồ số 37 (10% QH 234,23ha) tại xã Lai Hưng có diện tích 300.000m².

- + Tại Phụ lục E về quỹ đất phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn huyện Bàu Bàng

(do các DNNN đang quản lý hoặc quỹ đất NN thu hồi do vi phạm pháp luật do Trung tâm phát triển quỹ đất đang quản lý) có diện tích là 58,17ha.

- Tại Phụ lục 6 “Theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 về việc lập Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đáp ứng điều kiện: Có quỹ đất tối thiểu bằng 2% tổng diện tích của các khu công nghiệp trong Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để quy hoạch xây dựng ký túc xá, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

g. Định hướng phát triển cây xanh đô thị huyện Bàu Bàng

Theo đề án cây xanh huyện Bàu Bàng cần quy hoạch cây xanh đô thị với diện tích khoảng 450ha, với các định hướng quy hoạch đất cây xanh trong các đồ án quy hoạch trên địa bàn huyện Bàu Bàng tổng diện tích quy hoạch đất cây xanh là 495,57ha, đảm bảo chỉ tiêu cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

9. Định hướng phát triển công nghiệp

- Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03-8-2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dự kiến Bàu Bàng có các khu công nghiệp như sau:

Bảng tổng hợp các khu công nghiệp (KCN) huyện Bàu Bàng đến năm 2040

Stt	Danh mục	Vị trí	Quy mô (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Hiện trạng đến 12/2022	Quy hoạch 2023 - 2030	Quy hoạch 2031 - 2040	
I	KCN		6.819,10	1.609,90	4.076,12	6.150,62	
1	KCN Bàu Bàng	Thị trấn Lai Uyên	995,93	988,96	995,93	995,93	
2	KCN Bàu Bàng mở rộng	huyện Bàu Bàng và huyện Dầu Tiếng	1.000,00	620,94	892,22	892,22	Toàn khu 1.000ha, trong đó huyện Bàu Bàng 892,20ha
3	KCN Tân Bình	huyện Bàu Bàng và huyện Bắc Tân Uyên	95,17	95,17	95,17	95,17	Toàn khu 52,4971ha trong đó huyện Bàu Bàng 95,17ha
4	KCN Cây Trường	xã Cây Trường II và Thị trấn Lai Uyên	700,00	-	700,00	700,00	
5	KCN Lai Hưng	xã Tân Hưng	600,00	-	410,00	600,00	
6	KCN Bàu Bàng 3	xã Cây Trường II và Trừ Văn Thố	1.146,00	-	461,50	1.146,00	

Stt	Danh mục	Vị trí	Quy mô (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Hiện trạng đến 12/2022	Quy hoạch 2023 - 2030	Quy hoạch 2031 - 2040	
7	KCN Bàu Bàng 4	xã Tân Hưng	500,00	-	300,00	500,00	
8	KCN Bàu Bàng 5	xã Long Nguyên	1.000,00	-	-	1.000,00	
9	KCN Dầu Tiếng 4	huyện Bàu Bàng và huyện Dầu Tiếng	782,00	-	221,30	221,30	Toàn khu 782,00ha, trong đó huyện Bàu Bàng 221,30ha

10. Định hướng phát triển dịch vụ logistics

Dự kiến xây dựng cảng cạn Bàu Bàng 20ha, cảng cạn Lai Hưng 100ha, khu Logistics tại xã Long Nguyên 4,69ha và khu dịch vụ kho bãi logistics trên địa bàn xã Tân Hưng với quy mô là 290ha, vị trí nằm giữa đường sắt TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh và đường Mỹ Phước – Tân Vạn, là nơi tập kết, trung chuyển hàng hóa của KCN Bàu Bàng. Từ đây, hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt và cả đường bộ. Đường bộ đi theo đường Mỹ Phước – Tân Vạn ra đường Vành Đai 4 đến cảng An Tây hoặc đi theo đường Vành đai Mỹ Phước ra cảng Rạch Bắp.

11. Định hướng phát triển du lịch vùng huyện: Không gian du lịch của Huyện hình thành 03 vùng chính:

- Vùng đô thị - công nghiệp trung tâm (vùng 1 và vùng 2):

+ Là nơi cung cấp các hoạt động dịch vụ, vui chơi giải trí, học tập, nghiên cứu, tham quan, tổ chức sự kiện,... do đó rất cần sự nâng cao chất lượng về các hoạt động cơ sở vật chất dịch vụ, kêu gọi đầu tư các khu công nghiệp “xanh”, các khu đô thị với chức năng nghiên cứu, đào tạo kết hợp ở sinh thái, nghiên cứu ứng dụng mô hình Đô thị sáng tạo mà một số địa phương đang xây dựng,...

+ Phát triển loại hình giải trí, du lịch sinh thái (gắn với các trang trại, vườn cây ăn trái, hồ Từ Vân, suối Bến Ván); du lịch nghiên cứu học tập gắn với các trang trại trồng trọt (trang trại quýt đường Chín Phần, xã Trừ Văn Thố), mô hình chăn nuôi (trang trại heo lạnh Phạm Văn Tạo, thị trấn Lai Uyên) có diện tích hàng chục ha,...

+ Phát triển du lịch lịch sử (Di tích lịch sử Chiến thắng Bàu Bàng, Ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tượng),...gắn với loại hình du lịch “văn hóa tâm linh”. Cần có các chính sách kêu gọi đầu tư các nguồn vốn ngoài ngân sách nhằm tôn tạo và gắn các “di tích” với các dịch vụ du lịch chất lượng cao.

- Vùng nông nghiệp (vùng 3):

+ Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử địa phương,... Trong đó, du lịch nông nghiệp trải nghiệm là hình thức có nhiều tiềm năng (tham quan trang trại bưởi Thanh Thủy, xã Long Nguyên).

+ Du lịch sinh thái ven sông: Sông Thị Tính tuy không lớn như sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, song khu vực hai bên bờ sông có cảnh quan đẹp, có khả năng khai thác du lịch sông nước, du lịch sinh thái miệt vườn ven sông tham quan các vườn cây ăn trái ven sông Thị Tính.

12. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông

- Đường cao tốc

+ Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02): Dài 1.205km, quy mô quy hoạch 6 làn xe.

+ Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Chơn Thành – Hoa Lư (CT.30): Dài 60km, quy mô 6 làn xe.

- Quốc lộ

+ Quốc lộ 13 (QL.13): Dài 64,1km, quy mô đường cấp II, 6-8 làn xe và đường trên cao.

+ Quốc lộ 56B (QL.56B): Dài 82km, đường cấp III, tối thiểu 4 làn xe.

- Đường sắt

+ Đường sắt TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh: từ ga An Bình đến điểm nối ray biên giới Việt Nam – Campuchia (cửa khẩu Hoa Lư), dài khoảng 128km, khổ 1.435mm, toàn tuyến có 17 ga, trạm khách. Trong đó, đoạn Dĩ An – Chơn Thành đường đôi, đoạn Chơn Thành – Lộc Ninh đường đơn. Đoạn qua tỉnh Bình Dương dài khoảng 55,2km. Đường sắt TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh được coi là đòn bẩy, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực Đông Nam bộ nói chung, huyện Bàu Bàng nói riêng. Kết nối cửa khẩu Hoa Lư đi cảng Đồng Nai, cảng Vietsovpetro Vũng Tàu, thúc đẩy vận chuyển, lưu thông hàng hóa giữa huyện Bàu Bàng và vùng Hồ Chí Minh.

+ Tuyến đường sắt Bàu Bàng – Mộc Bài: Kết nối các khu công nghiệp của tỉnh Bình Dương và Tây Ninh. Bên cạnh đó, tuyến sẽ kết nối đường sắt thành phố Hồ Chí Minh – Lộc Ninh với tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh – Tây Ninh để vận chuyển hàng hóa tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như của Vùng Tây Nguyên. Đoạn qua tỉnh Bình Dương dài khoảng 31 km, khổ 1.435mm, quy hoạch sau năm 2030.

+ Ga Bàu Bàng: vị trí ga dự kiến tại xã Lai Uyên.

+ Ga Tân Hưng tại xã Tân Hưng.

- Đường tỉnh

+ Đường tỉnh 741B (ĐT.741B) (đường Bó Lá – Bến Súc): Dài 12,18km, tuyến đạt đường cấp III, 6 làn xe, lộ giới 60m.

+ Đường tỉnh 741C (ĐT.741C): Dài khoảng 17,09km, tuyến đạt đường cấp III, quy mô 6 làn xe, lộ giới 42m.

+ Đường tỉnh 741D (ĐT.741D): Dài khoảng 10km, tuyến đạt đường cấp III, quy mô 6 làn xe, lộ giới 60m.

+ Đường tỉnh 742B (ĐT.742B): Dài khoảng 40km, tuyến đạt đường cấp II, quy mô 6 làn xe, lộ giới 42-62m, đoạn từ giao ĐT.748C đến ĐT.744 có lộ giới 62m. Tuyến có 01 đoạn khoảng 9km đi trùng ĐT.745, lộ giới 60m. Chiều dài tuyến không bao gồm đoạn đi trùng.

+ Đường tỉnh 745 (ĐT.745 - Vành đai 5): Dài khoảng 58km, tuyến đạt đường cấp II, quy mô 6 làn xe, lộ giới 60m.

+ Đường tỉnh 745B (ĐT.745B): Dài khoảng 53km, tuyến đạt đường cấp II, tối thiểu 4 làn xe, lộ giới 42-60m.

+ Đường tỉnh 748B (ĐT.748B): Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị và đường cấp III, quy mô tối thiểu 4 làn xe, lộ giới 40,5m.

+ Đường tỉnh 748C (ĐT.748C): Dài khoảng 19km, tuyến đạt đường cấp II, quy mô 8 làn xe, lộ giới 62m.

+ Đường tỉnh 749 (ĐT.749A hiện hữu): Dài 38,7km, tuyến đạt đường cấp III, quy mô tối thiểu 4 làn xe, lộ giới 42,0m.

+ Đường tỉnh 749C (ĐT.749C): Dài 16,5km, tuyến đạt đường cấp II – III, quy mô tối thiểu 4 làn xe, lộ giới 42-60m.

+ Đường tỉnh 750 (Vành đai 6): Dài khoảng 57,5km, tuyến đạt đường cấp III, tối thiểu 4 làn xe, lộ giới 42m.

+ Đường Bàu Bàng – Mỹ Phước – Tân Vạn: Dài 54,3km, tuyến đạt đường cấp II, quy mô 6-10 làn xe, lộ giới 64m.

+ Đường tạo lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng: Dài 47,35km, quy mô 6 làn xe.

- Đường huyện

Các tuyến đường huyện trên địa bàn: ĐH.607, ĐH.611, ĐH.615, ĐH.617, ĐH.618, ĐH.619, ĐH.620, ĐH.623, ĐH.624, QL.13 (xã Lai Hưng) - Giáp ĐH.611; QL.13 (xã Trừ Văn Thố) - Giáp ĐT.750 (xã Cây Trường); Long Nguyên – An Lập, đường Vành đai suối Ông Tề, đường dọc kênh Phước Hòa. Đây là hệ thống đường giao thông quan trọng kết nối giao thông liên xã, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 4 làn xe, lộ giới từ 32m.

b. Bến – Bãi, trạm dừng nghỉ

- Quy hoạch bến xe Bàu Bàng trên trục đường Vành đai 5 giáp đường Mỹ Phước – Tân Vạn – Bàu Bàng, đạt tiêu chuẩn loại II, quy mô 1ha. Bến xe Bàu Bàng hiện hữu trong giai đoạn ngắn hạn vẫn giữ nguyên hiện trạng, giai đoạn dài hạn khi các tuyến đường Vành Đai 5, đường sắt TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh được hình thành thì bến xe Bàu Bàng mới được xây dựng, bến xe hiện hữu sẽ được bố trí làm bãi đậu xe cho khu vực.

- Quy hoạch xây dựng trạm dừng nghỉ Lai Uyên và các trạm dừng nghỉ trong các khu dân cư thương mại.

c. Hệ thống điểm, bãi đỗ xe công cộng

- Bãi đỗ xe có thể được xây dựng ở các vị trí: Ga đường sắt; Các công trình văn hóa: nhà hát, cung văn hóa, khu triển lãm, sân vận động; Công trình cao tầng, các cơ quan lớn, cơ quan khoa học kỹ thuật và đào tạo; Nơi tập trung người và hàng hóa như kho hàng, khu nhà ở.

- Quy hoạch đề xuất xây dựng một số bãi đỗ xe chính ở các trung tâm đô thị, các bãi đỗ xe này vừa đảm nhận vai trò là các bến hàng vừa phục vụ nhu cầu đỗ xe của các phương tiện giao thông khác (xe buýt, taxi, ô tô, xe máy,...).

- Định hướng bố trí Trạm dừng nghỉ, Cây xăng, Trạm sạc điện trên các trục đường chính như: QL.56B, ĐT.750, ĐT.748C, ĐT.748B,... trong các khu công nghiệp,

khu logistics và các khu đô thị Bàu Bàng trong đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu,...

d. Giao thông công cộng

- Tăng tần suất và thời gian hoạt động các tuyến xe buýt hiện hữu: Tuyến Mỹ Phước – Long Hòa – Dầu Tiếng; Tuyến Thủ Dầu Một - Cổng Xanh - Bàu Bàng; Tuyến Bàu Bàng - Cây Trường - Dầu Tiếng; Tuyến Thành phố Mới - Mỹ Phước - Bàu Bàng.

- Trong tương lai đề xuất các tuyến: Tuyến Minh Hòa - Chơn Thành - Trừ Văn Thố; Tuyến Cổng Xanh - Trừ Văn Thố; Tuyến Phước Vĩnh - Trừ Văn Thố; Tuyến Thành phố Mới - Long Hòa; Tuyến Bến Súc - Bàu Bàng; Tuyến Bàu Bàng - Phú Giáo.

e. Đường sắt đô thị

- Tuyến 6 (Thành phố Mới - Bến Cát - Bàu Bàng): dài khoảng 26,1km, tuyến đi trên cao từ ga trung tâm Thành phố mới kết nối với tuyến số 5, số 4, đi song song với tuyến đường sắt quốc gia thành phố Hồ Chí Minh – Lộc Ninh, đến trung tâm huyện Bàu Bàng, tuyến kết nối trực dọc của tỉnh Bình Dương, từ đó chuyển tuyến qua tuyến số 1 về thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyến 7 (Bến Cát – Dầu Tiếng): dài khoảng 45km, kết nối với tuyến số 2 tại Thới Hòa, Bến Cát, rồi dọc theo QL.13, tiếp theo ĐT.749, ĐT.750 tới Bàu Bàng, tới trung tâm huyện Dầu Tiếng, tuyến kết nối trung tâm thành phố Bến Cát với trung tâm huyện Dầu Tiếng, đồng thời trung chuyển qua tuyến số 2 về thành phố Hồ Chí Minh.

- Các tuyến đường sắt được quy hoạch trong dự án của khu công nghiệp Becamex sẽ được đầu nối với các tuyến đường sắt đô thị của tỉnh đi qua địa bàn huyện (tuyến Thành phố Mới - Mỹ Phước - Bàu Bàng - Long Nguyên, tuyến Mỹ Phước – Dầu Tiếng) để kết nối KCN Becamex với các khu vực khác như trung tâm thành phố mới Bình Dương,...

13. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Cao độ nền

- Các khu vực đô thị trong huyện Bàu Bàng cần được xây dựng theo các cao độ khống chế đảm bảo không bị ngập lụt theo điều kiện thủy văn cụ thể của từng vùng.

+ Đối với các đô thị bị ảnh hưởng ngập lũ (hạ lưu hồ Từ Vân 1, hồ Từ Vân 2): Các khu trung tâm đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư mật độ cao, cao độ nền xây dựng phải tính toán với tần suất lũ $P = 2\%$. Phương án san nền sẽ san đắp tập trung tạo mặt bằng xây dựng; Các khu công viên cây xanh, thể dục thể thao cao độ nền tính toán với tần suất lũ $P = 10\%$. Phương án san nền sẽ san đắp cục bộ tạo mặt bằng xây dựng đối với từng công trình.

+ Đối với các đô thị không bị ảnh hưởng ngập lũ hàng năm: Cao độ khống chế xây dựng chủ yếu bám theo cao độ tự nhiên. Phương án san nền chủ yếu san đắp cục bộ, tránh phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

b. Thoát nước mưa:

- Đối với các khu đô thị, công nghiệp mới, xây dựng hệ thống thoát nước mưa mới tách riêng với hệ thống thoát nước thải

Toàn huyện có 2 lưu vực chính: lưu vực phía Đông đường Quốc lộ 13 (hướng dốc chính địa hình từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây) và lưu vực phía Tây đường

Quốc lộ 13 (hướng dốc chính địa hình từ Bắc xuống Nam, thoát xuống hệ thống sông suối hiện hữu như sông Thị Tính).

- Đối với các điểm dân cư nông thôn:

- + Tại các khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ. Tăng cường cải tạo các hồ, sông suối tự nhiên, không chế cao độ nước trong hồ theo cao độ địa hình xung quanh.

- + Cho phép xây dựng hệ thống thoát nước chung bằng cống, mương nắp đan hoặc mương hở xả ra sông suối.

c. Định hướng hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn huyện giai đoạn đến năm 2040: $Q = 311.800\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Đối với huyện Bàu Bàng tiếp tục sử dụng nhà máy cấp nước Bàu Bàng hiện hữu với công suất thiết kế $Q=60.000\text{m}^3/\text{ngđ}$, giai đoạn 2025 nâng công suất đạt nhu cầu sử dụng $Q=180.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ và đến năm 2030 công suất tăng lên $350.000\text{m}^3/\text{ngđ}$, đáp ứng nhu cầu toàn huyện; nguồn nước từ kênh Phước Hòa, huyện Dầu Tiếng.

d. Định hướng hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Tổng lượng nước thải giai đoạn 2040: $Q = 210.900\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Xây dựng hệ thống thoát nước và công trình XLNT tập trung tại vùng nội thị thị xã Bàu Bàng (trong tương lai). Vị trí, công suất các công trình sẽ xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chung.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn, có lượng nước thải nhỏ và phân tán: trong các làng xóm xây dựng các mương xây có nắp đan, thoát nước chung với nước mưa.

- Các khu công nghiệp tập trung xây dựng trạm xử lý nước thải độc lập.

- Các khu vực trang trại, chăn nuôi tập trung nguồn thải phải xử lý theo tiêu chuẩn và quy định của tỉnh về bảo vệ an toàn môi trường, triệt để khai thác nguồn thải vào các mục đích tái tạo khác.

- Quản lý chất thải rắn: tổng lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày khoảng 2.600 tấn. Tiếp tục thực hiện công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn, bố trí thêm các điểm tập kết CTR tại các khu vực đô thị và dân cư nông thôn. Xây dựng Trạm trung chuyển CTR quy mô 1,5ha tại phía Bắc xã Lai Hưng và các Điểm tập trung CTR không cố định, diện tích tối thiểu 50m^2 tại các xã, thị trấn: Lai Uyên, Hưng Hòa, Trù Văn Thố, Long Nguyên, Cây Trường II, Tân Hưng, Lai Hưng. Xung quanh Trạm phải bố trí dải cây xanh cách ly với chiều rộng $\geq 10\text{m}$ và phải đặt cách nhà ở và khu vực thường xuyên đông người ít nhất 20m. Chất thải rắn các huyện Dầu Tiếng, huyện Bàu Bàng, huyện Phú Giáo, huyện Bắc Tân Uyên sẽ tiếp tục được xử lý Khu Liên hợp xử lý CTR Tân Long tại xã Tân Long, huyện Phú Giáo.

- Nghĩa trang nhân dân: từng bước đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo về môi trường do gần các khu dân cư. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng mới Nghĩa trang nhân dân Cây Trường II, cấp IV, quy mô 4,5ha; Cải tạo mở rộng Nghĩa trang Lai Uyên, cấp IV, quy mô 7,0 ha; Cải tạo mở rộng nghĩa trang Long Nguyên, cấp IV lên cấp III quy mô 10ha. Tổng cộng là: 21,5 ha và kết hợp sử dụng khu nghĩa trang của tỉnh tại thành phố Bến Cát; Giai đoạn sau 2030: Cải tạo, mở rộng

Nghĩa địa ấp 3 Tân Hưng, cấp IV, (dự kiến lên cấp III), quy mô 20ha; Cải tạo mở rộng nghĩa trang Long Nguyên lên 15ha.

- Nhà tang lễ: Đến năm 2030 xây dựng 01 nhà tang lễ quy mô khoảng 0,2 – 0,3ha. Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng; kêu gọi đầu tư xây dựng các lò điện táng hiện đại.

e. Định hướng hệ thống cấp điện

- Tổng công suất điện yêu cầu: 2.051.360 kW.

- Tổng điện năng yêu cầu: 6.154,08 triệu kWh/năm.

- Nguồn cấp điện cho đô thị Bàu Bàng chủ yếu là các tuyến trung thế 22kV từ trạm biến áp trung gian 110/22kV-2x63MVA Lai Uyên và trạm biến áp 110/22kV-2x63MVA Lai Hưng hiện hữu và trạm khách hàng là trạm biến áp 110/22kV-1x63MVA Viễn Đông (Far Eastern) và trạm biến áp 110/22kV-2x15MVA KoLon.

- Ngoài các nguồn điện trên, huyện Bàu Bàng cũng như tỉnh Bình Dương đang khuyến khích và phát triển mạnh nguồn điện năng lượng mặt trời cho các hộ dân, các công ty, xí nghiệp trong các khu công nghiệp,... để đáp ứng nhu cầu điện năng một phần cho hệ thống tải tiêu thụ của hộ dân, công ty, xí nghiệp và góp phần đáng kể giảm lượng điện trên lưới điện cũng như giảm kinh phí tiêu thụ cho các hộ dân, công ty, xí nghiệp sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời này. Dưới đây là bảng tổng hợp điện mặt trời của huyện Bàu Bàng (*được trích từ Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt*).

f. Định hướng hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển mạng lưới viễn thông, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân, cơ quan, doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng của địa phương.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động gắn liền với đảm bảo an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị.

- Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải đảm bảo yêu cầu về sử dụng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông, giữa các lĩnh vực hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả đầu tư.

14. Các giải pháp bảo vệ môi trường

a. Không chế tác động của hoạt động công nghiệp

- Đối với cơ sở sản xuất đang hoạt động: phải thường xuyên kiểm tra và xử lý kịp thời, nghiêm ngặt các trường hợp vi phạm gây ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo 100% nước thải sau xử lý của các khu công nghiệp đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp tùy theo quy mô nhỏ hay lớn phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường hay báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào hoạt động.

- Đối với cơ sở sản xuất nằm ngoài khu công nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất: cần phải có hệ thống thu gom nước thải riêng và phải xử lý đạt tiêu chuẩn theo từng ngành đã quy định trước khi thải ra môi trường.

b. Không chế tác động của hoạt động nông nghiệp

- Đối với các khu dân cư nông thôn dọc các sông suối, vận động xây dựng các bể tự hoại gia đình, tránh tình trạng thải trực tiếp chất thải của người và gia súc xuống kênh, mương, sông suối.

- Nghiên cứu triển khai các công nghệ phù hợp để thu gom và tái sử dụng các chất thải chăn nuôi, khuyến khích sử dụng khí sinh học làm chất đốt để nâng cao điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn.

- Đối với những cơ sở đang hoạt động: Áp dụng các hình thức chăn nuôi khoa học, các công trình vệ sinh phù hợp, có biện pháp xử lý các chất thải nhằm đảm bảo giữ gìn vệ sinh chung, không gây ô nhiễm môi trường.

- Lập các dự án về cải thiện vệ sinh môi trường nông thôn, tiến hành tìm nguồn kinh phí để đầu tư, xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: Xây dựng các nhà vệ sinh cho nông dân, bể tự hoại 2 – 3 ngăn, xây dựng các hầm biogas hợp vệ sinh cho các hộ chăn nuôi,...

c. Không chế tác động của hoạt động dân sinh

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt riêng ở các khu vực đô thị, khu nhà ở dân cư mới theo các quy hoạch chi tiết được duyệt. Đến năm 2040, quy hoạch chi tiết xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho toàn huyện.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đối với các đô thị và khu vực dân cư tập trung có đầu tư hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa. Tại mỗi hộ gia đình sẽ đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của đô thị, khu dân cư.

- Đối với các khu dân cư phân tán, thưa thớt chưa có trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, khuyến khích sử dụng các mô hình xử lý nước thải phân tán quy mô nhỏ có chi phí vận hành thấp, hiệu quả cao như: Sử dụng bể tự hoại có các vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí cho phép chất lượng nước thải đầu ra đạt quy chuẩn và không gây ảnh hưởng tới môi trường.

15. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư (đính kèm phụ lục)

b. Nguồn lực thực hiện

- Vốn ngân sách.

- Vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

16. Thành phần hồ sơ quy hoạch

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp quy hoạch và bản vẽ A3 thu nhỏ;

+ Các phụ lục, số liệu, bảng biểu;

+ Các văn bản pháp lý liên quan;

+ Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;

+ Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng.

+ Đĩa CD hoặc USB lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng.

- Thành phần bản vẽ:

- + Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng; tỷ lệ thích hợp;
- + Bản đồ hiện trạng vùng; tỷ lệ 1/25.000;
- + Bản đồ phân vùng quản lý phát triển; tỷ lệ 1/25.000;
- + Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng; tỷ lệ 1/25.000.
- + Bản đồ định hướng phát triển mạng lưới giao thông; tỷ lệ 1/25.000;
- + Bản đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật; tỷ lệ 1/25.000;
- + Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cấp nước; tỷ lệ 1/25.000;
- + Bản đồ định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang; tỷ lệ 1/25.000;
- + Bản đồ định hướng phát triển hệ thống điện và cung cấp năng lượng; tỷ lệ 1/25.000;
- + Bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động; tỷ lệ 1/25.000;

- Quy các thể hiện hồ sơ theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố quy hoạch, cắm mốc giới và quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.
2. Có trách nhiệm lập và phê duyệt kế hoạch thực hiện việc lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn các xã,... nhằm cụ thể hóa nội dung của quy hoạch xây dựng vùng huyện.
3. Phối hợp chặt chẽ với các vùng chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch, lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình trọng điểm.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về cung cấp các nội dung, văn bản, số liệu làm ảnh hưởng đến kinh tế, kỹ thuật của quy hoạch này.
5. Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng theo Điều 18 Luật Xây dựng.
6. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề rà soát, cập nhật, đảm bảo sự đồng bộ với quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế:

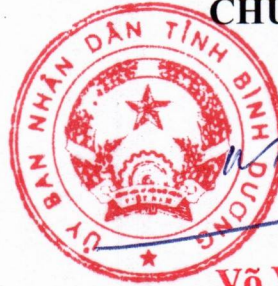
1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng và các số liệu tính toán trong thuyết minh quy hoạch chi tiết. Cá nhân người chủ trì và các kỹ sư thiết kế hạ tầng kỹ thuật phải chịu trách nhiệm cá nhân về tính đúng đắn và các giải pháp kỹ thuật, tính chính xác và độ tin cậy của các số liệu phục vụ khảo sát, thiết kế những quy định về kỹ thuật bản vẽ và khái toán.
2. Phải thực hiện giám sát tác giả và giải thích những vướng mắc, giải quyết hoàn tất những sai sót giữa hồ sơ thiết kế và thực tế triển khai (nếu có), đồng thời chịu trách nhiệm về các ý kiến, kết luận khi tham gia các nội dung trên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng và thủ trưởng các Sở, Ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- TTTU - TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- TT Công báo, Website tỉnh;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu VT. 28

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Minh

PHỤ LỤC

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư huyện Bàu Bàng
(Kèm theo Quyết định số ~~272~~ ²⁷² QĐ-UBND ngày ~~18~~ ¹⁸ Tháng 10 năm 2024)

Stt	Tên dự án	Nhóm dự án	Quy mô	Địa điểm	Tổng mức
	Tổng cộng				11.023.546
I	Công trình vốn tỉnh đầu tư				5.960.850
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.610	B	4,305 km	LN	595.000
2	Tuyến đường kết nối từ khu công nghiệp Bàu Bàng đến đường ĐT.749A (giai đoạn 1)	B	3,3km	BB	500.000
3	Đầu tư mới đường ven suối Đồng Sỏ (Điểm đầu từ đường vành đai Mỹ Phước phát triển dọc theo suối Đồng Sỏ. Điểm cuối giáp đường Hồ Chí Minh nhánh N2. Đoạn dài 7,7km, lộ giới 22m → 32m)	B		BB	912.800
4	Đầu tư mới Đường ĐH.626 nối dài (Điểm đầu giáp nút giao ĐH.626 và ĐT.750. Điểm cuối giáp ranh tỉnh Bình Phước. Tuyến dài 4,5km.	B		BB	708.000
5	Đầu tư mới Đường phía Tây Quốc lộ 13 (bắt đầu từ huyện Chơn Thành - tỉnh Bình Phước qua kênh Phước Hòa kết nối đường thuộc KCN Khoa học công nghệ Bàu Bàng đến đường ĐT 750.	B		BB	732.000
6	Xây dựng mới đường ĐH.624 (mặt đường 16 m)	B		BB	705.600
7	Xây dựng mới đường ĐH.625 (mặt đường 16 m)	B		BB	720.000
8	Nâng cấp, mở rộng ĐH.611	B		BB	574.000
9	Nâng cấp, mở rộng ĐH.607	C		BB	105.000
10	Nâng cấp mở rộng, đường ĐH.615 (đường ấp 6 Long Nguyên)	C		LN	43.050
11	Nâng cấp, mở rộng ĐH.620	B		BB	365.400
II	Công trình Vốn xã số kiến thiết				1.655.603
1	Trường MN Hưng Hòa	B	20 nhóm	HH	85.643
2	Trường MN Tân Hưng	B	20 nhóm	TH	109.250
3	Trường THCS Tân Hưng	B	20 lớp	TH	137.289
4	Trung tâm GDNN-Giáo dục thường xuyên huyện Bàu Bàng	B	28 lớp	BB	280.138

Stt	Tên dự án	Nhóm dự án	Quy mô	Địa điểm	Tổng mức
5	Trường TH Tân Hưng	B	8 nhóm	TH	60.000
6	Trường MN Trừ Văn Thố	B	20 nhóm	TVT	109.250
7	Trường TH Bàu Bàng 2	B	30 lớp	BB	119.600
8	Trường MN Cây Trường	B	20 nhóm	CT	109.250
9	Trường THCS Long Bình	B	45 lớp	LN	207.313
10	Trường TH Lai Hưng B	B	30 lớp	LH	119.600
11	Trường THCS Bàu Bàng	B	16 lớp	BB	109.020
12	Trường Mầm non Ánh Dương 2	B	20 nhóm	BB	109.250
13	Xây dựng mới trường Trung học phổ thông Long Nguyên	B		LN	100.000
III	Công trình Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện				2.871.629
1	Trung tâm văn hóa thể thao, học tập cộng đồng xã Hưng Hòa	C	1381m2	HH	44.873
2	Xây dựng nhà thi đấu đa năng - Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Bàu Bàng	B		BB	150.000
3	Công viên sinh thái Thị trấn Lai Uyên	B	123333,7 m2	LU	89.904
4	Hạ tầng khu tái định cư thị trấn Lai Uyên	B	87024,6m2	LU	92.252
5	BTNN đường liên tổ 3-4 ấp Sa Thềm xã Long Nguyên	C	2,5km	LN	14.900
6	BTNN đường từ nhà Ông Cương- Ông Bình xã Lai Hưng	C	2,6km	LH	14.900
7	BTNN đường từ Quốc lộ 13 - ông Quân xã Lai Hưng	C	2km	LH	14.900
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741C (Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.613)	B	6km	LU	139.000
9	Xây dựng đường ĐH.619	B	3,8km	LU	823.000
10	Xây dựng đường ĐH.623	B	5,38km	LU	982.000
11	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Long Nguyên	C		LN	30.000
12	Nâng cấp trạm y tế Lai Uyên, Tân Hưng, Long Nguyên, Cây Trường	B		LU,TH,LN, CT	60.000
13	Xây dựng Trụ sở Đảng Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa	C		HH	30.000
14	Hệ thống thoát nước dọc đường ĐH.619	C	9,5km	LN	40.000

Stt	Tên dự án	Nhóm dự án	Quy mô	Địa điểm	Tổng mức
15	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND và hội trường xã Cây Trường II	C		CT	30.000
16	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.617	B	2,6km	LU	252.000
17	Hệ thống thoát nước dọc đường ĐT.749A	C	15km	LN	60.000
18	Nhà tang lễ		350m2		3.900
IV	Công trình nâng cấp đô thị loại IV, V				535.464
1	Đô thị Lai Hưng (loại V)			LH	39.700
2	Đô thị Long Nguyên (loại V)			LN	347.064
3	Đô thị Trừ Văn Thố (loại V)			TVT	62.000
4	Đô thị Lai Uyên (loại IV)			LÚ	86.700